TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 8 - 2019
V/v: *ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Quốc Thống

Ông Nguyễn Hải Hưng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Minh Tr, sinh năm 1964

Địa chỉ cư trú: ấp 5, xã KH, huyện UM, tỉnh CM (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1964

Địa chỉ cư trú: ấp 5, xã KH, huyện UM, tỉnh CM (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 01 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Minh Tr trình bày:

Về hôn nhân: Ông Tr và bà Th đi đến hôn nhân từ ngày 11/12/1987, không có đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống hàng ngày nên có xảy ra cự cải nhau, có thái độ không tôn trọng và không tin tưởng nhau, qua lại về tiền bạc từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng gay gắt nên đã ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến nay, Ông Tr yêu cầu ly hôn với bà Th.

Về con chung: Có 04 con chung tên Lê Kiều T, sinh năm 1988; Lê Diễm Ph, sinh năm 1990; Lê Tấn T, sinh năm 1993 đã trưởng thành đã có gia đình riêng còn Lê Phát T sinh ngày 27/10/2002 chưa có gia đình, Ông Tr yêu cầu giao cho bà Th nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giao cho ông nuôi dưỡng, Ông Tr không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

- *Tại biên bản hòa giải ngày 10/6/2019 và tại phiên tòa bà Nguyễn Hồng Th trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Th và Ông Tr đi đến hôn nhân từ ngày 11/12/1987, không có đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống không có mâu thuẫn gì lớn chỉ có cự cãi nhau, Ông Tr kiên quyết ly hôn thì bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 04 người con như trình bày của Ông Tr, đối với cháu Lê Phát T có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi dưỡng, trường hợp ở với bà thì bà nuôi dưỡng, không yêu cầu Ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu xem xét.

- *Cháu **Lê Phát T** trình bày:* Trường hợp Tòa án cho cha mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với cha, để sau khi trưởng thành cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng cha, còn mẹ là bà Th hiện nay đã có anh Trai nuôi dưỡng nên cháu mong muốn được ở với cha.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Minh Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn, người nuôi con chung đối với bà Nguyễn Hồng Th, địa chỉ cư trú ấp 5, xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Minh Tr và bà Nguyễn Hồng Th tự nguyện chung sống với nhau từ ngày 11/12/1987. Trong quá trình chung sống Ông Tr cho rằng xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân nhau và yêu cầu ly hôn với bà Th còn bà Th cho rằng có mâu thuẫn nhưng không lớn, Ông Tr kiên quyết ly hôn thì bà Th đồng ý ly hôn. Tuy nhiên giữa Ông Tr và bà Th chung sống vợ chồng với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo Luật hôn nhân và gia đình tại điều 9 quy định "*việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý*" và tại khoản 1 Điều 14 quy định "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*" và tại khoản 2 Điều 53 quy định *"trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng…"*. Do đó,

Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Minh Tr với bà Nguyễn Hồng Th.

[3] Về con chung: Các con chung tên Lê Kiều T; Lê Diễm Ph; Lê Tấn T đã trưởng thành nên không xem xét. Đối với người con chung tên Lê Phát T sinh ngày 27/10/2002 nguyện vọng sau khi Ông Tr, bà Thuỷ ly hôn được do Ông Tr nuôi dưỡng, bà Th đồng ý với nguyện vọng của cháu Tài. Riêng Ông Tr không đồng ý nuôi dưỡng cháu Tài, còn cháu Tài nguyện vọng, mong muốn được sống chung với Ông Tr để sau này trưởng thành nuôi dưỡng Ông Tr. Qua trình bày của Ông Tr, bà Th và cháu Tài nhận thấy cháu Tài trên 7 tuổi, nguyện vọng của cháu là được Ông Tr nuôi dưỡng là phù hợp với theo quy định tại Điều 81 luật hôn nhân và gia đình và cũng thể hiện được lòng hiếu thảo của con đối với cha, mẹ nên ghi nhận nguyện vọng của cháu Tài là đảm bảo cho cháu Tài có điều kiện phát triển bình thường ổn định tâm lý và tình cảm nên giao cháu Tài cho Ông Tr nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Hồng Th có quyền thăm nom cháu Tài không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Minh Tr xác định trường hợp Hội đồng xét xử giao cháu Tài cho ông nuôi dưỡng, ông không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông Lê Minh Tr và bà Nguyễn Hồng Th xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông Lê Minh Tr và bà Nguyễn Hồng Th xác định không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm ông Lê Minh Tr phải chịu 300.000 đồng, Ông Tr đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004232 ngày 25/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu; bà Nguyễn Hồng Th không phải chịu án phí. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 220; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Minh Tr với bà Nguyễn Hồng Th.

- Về con chung: Giao người con chung tên Lê Phát T sinh ngày 27/10/2002 cho ông Lê Minh Tr nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Hồng Th có quyền thăm nom cháu Tài không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và đình sơ thẩm ông Lê Minh Tr phải chịu 300.000 đồng, Ông Tr đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004232 ngày 25/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu; bà Nguyễn Hồng Th không phải chịu án phí.

Án xử sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn